

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày: 20 - 01 - 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2020/TLPT-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (*theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020 - có mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp Tân T, xã Nguyễn H, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng P; Địa chỉ: Văn phòng luật sư Trần Hoàng P – Số 32, đường Huỳnh Tấn P, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U1, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1935 (*xin vắng mặt*);

- Chị Đặng Thị M, sinh năm 1978 (*vắng mặt*);

- Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997 (*xin vắng mặt*);

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000 (*xin vắng mặt*);

Cùng cư trú tại: Ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Anh Trần Trường G, sinh năm 1975 (có mặt);

- Chị Đặng Thị U, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Phú H, xã Thanh T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn U - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Năm 2015 ông có nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Đ phần đất có diện tích 44.000m², tọa lạc tại ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc phần đất này là của vợ chồng ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị M phân chia và nhận chuyển nhượng của anh em trong gia đình. Ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên lại cho ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn Đ chuyển nhượng lại cho ông. Sau khi nhận chuyển nhượng ông được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 42.780m², riêng phần đất biên khoảng 1.500m² (theo đo đạc thực tế là 2.228,6m²) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất biên đang tranh chấp hiện nay do anh Nguyễn Văn U (bị đơn) đang chiếm giữ, không giao đất cho ông nên ông yêu cầu anh Nguyễn Văn U trả lại cho ông phần đất biên giáp sông có diện tích theo đo đạc thực tế là 2.228,6m².

Bị đơn anh Nguyễn Văn U1 trình bày: Toàn bộ phần đất biên nguyên đơn ông Nguyễn Văn U khởi kiện là của mẹ anh (bà Nguyễn Thị M) khai phá cách nay hơn 20 năm, mặc dù đất chưa được cấp quyền sử dụng nhưng gia đình anh cùng mẹ ruột quản lý sử dụng ổn định từ khi khai phá cho đến nay. Trên phần đất này anh đã đầu tư san lấp mặt bằng, trồng cây lâu năm. Khi phân chia đất cho các con trong gia đình thì mẹ anh không có phân chia phần đất biên này cho các con. Ông Nguyễn Văn U (nguyên đơn) là người từ nơi khác đến nhận chuyển nhượng đất của ông Mai Hữu N và bà Nguyễn Mỹ N mà không đo đạc đất cụ thể, mẹ anh chỉ cho ông Nguyễn Văn U (nguyên đơn) mượn đường xỏ nước mà thôi. Do phần đất đang tranh chấp không phải là của bà Nguyễn Mỹ N, ông Mai Hữu N và càng không phải là đất của ông Nguyễn Văn U (nguyên đơn) nên anh không chấp nhận yêu cầu đòi đất của nguyên đơn.

Chị Đặng Thị M thống nhất theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn U1 (bị đơn), không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U.

Bà Nguyễn Thị M cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà khai phá từ khi bà về làm dâu, lúc bà mới 19 tuổi và bà cùng gia đình quản lý sử dụng cho đến nay. Phần đất biên này bà không có kê khai để cấp quyền sử dụng, các hộ dân giáp ranh với đất của bà tại địa phương cũng không ai kê khai vì là đất biên, giáp sông. Phần đất biên đang tranh chấp có bờ ranh riêng của ai thì người đó sử dụng nên bà trồng lá, cây đước và làm đường nước phục vụ cho việc làm ruộng tôm. Sau khi cha mẹ chồng và chồng bà mất thì bà trực tiếp quản lý sử dụng cùng với con bà là anh Nguyễn Văn U1 (bị đơn) và bà cũng chưa cho phần đất biên này cho anh Nguyễn Văn U1 hay người nào khác và cũng không hề cho vợ chồng bà Nguyễn Mỹ

N. Nay nguyên đơn yêu cầu trả đất thì bà không đồng ý vì phần đất này không phải là đất của nguyên đơn Nguyễn Văn U.

Anh Trần Trường G và chị Đặng Thị U trình bày: Trước đây anh chị nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) từ mặt hậu đến mé sông kể cả phần công xỏ nước. Ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) không giao đủ đất theo hợp đồng do đang tranh chấp đất biên. Nay ông Nguyễn Văn U đang tranh chấp với anh chị trong hợp đồng chuyển nhượng nên việc tranh chấp phần đất biên không liên quan anh chị nên không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Ngọc T: Không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ vào Điều 45, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 5 của Bộ luật dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U. Buộc hộ gia đình anh Nguyễn Văn U1 gồm: Anh Nguyễn Văn U1, bà Nguyễn Thị M, chị Đặng Thị M, chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh T phải giao lại cho ông Nguyễn Văn U diện tích đất 493,25m² để làm đường xỏ thoát nước, vị trí được xác định theo sơ đồ bản vẽ gồm các điểm M7, O1, O2, M1 phía Đông giáp phần đất còn lại anh Nguyễn Văn U1 đang quản lý, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Minh C, phía Nam giáp lộ bê tông, phía Bắc giáp sông Hiệp Hòa, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn U phải trả lại cho hộ gia đình anh Nguyễn Văn U1 gồm có: Anh Nguyễn Văn U1, bà Nguyễn Thị M, chị Đặng Thị M, chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh T giá trị diện tích đất 493,25m² tương ứng số tiền 38.059.170 đồng (*Ba mươi tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng*).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn U1 phải trả cho ông phần đất biên diện tích 1.735,35m² (*Có sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 06/12/2019 kèm theo*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/10/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U kháng cáo: Yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm để buộc bị đơn Nguyễn Văn U1 trả lại phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 2.228,6m².

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U kiện anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) để đòi lại phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 2.228,6m² với lý do cho rằng nguồn gốc đất là của vợ chồng ông Mai Hữu N vợ là Nguyễn Mỹ N ủy quyền giao lại cho ông sử dụng nên ông kiện đòi. Còn anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) cho rằng phần đất đang tranh chấp là đất của mẹ của anh (*bà Nguyễn Thị M*) chứ không phải của vợ chồng ông Mai Hữu N vợ là Nguyễn Mỹ N và cũng không phải đất của ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) nên anh không đồng ý trả đất. Đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật đất đai, Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan để giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn U cho rằng diện tích đất đang tranh chấp theo đo đạc thực tế là 2.228,6m², tọa lạc tại ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đang do anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) quản lý. Về nguồn gốc là đất của vợ chồng ông Mai Hữu N vợ là Nguyễn Mỹ N được bà Nguyễn Thị M (*mẹ của bà Nguyễn Mỹ N*) cho. Sau đó vợ chồng ông Mai Hữu N chuyển nhượng cho ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Đ chuyển nhượng lại cho ông và hiện đang do anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) chiếm giữ, nên ông kiện đòi. Còn anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) cho rằng phần đất đang tranh chấp là đất của mẹ của anh (*bà Nguyễn Thị M*) và phần đất này mẹ của anh quản lý canh tác từ trước đến nay, không có cho ai và cũng không có cho vợ chồng ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N và càng không phải đất của ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) nên anh không đồng ý trả đất.

[4]. Qua sự thừa nhận của các đương sự và chứng cứ thu thập được thì có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cha mẹ chồng của bà Nguyễn Thị M khai phá. Sau khi cha mẹ chồng và chồng qua đời thì bà Nguyễn Thị M là người trực tiếp quản lý sử dụng và hiện tại bà Nguyễn Thị M cùng con là anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) là người đang sử dụng đất. Theo Công văn số 03/CNVPĐKĐĐ ngày 02/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và công văn số 1710/UBND-VP ngày 15/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 6 (*bản đồ 299*) do bà Nguyễn Thị M kê khai đăng ký, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Nguyễn Thị M không có sử dụng đất. Đồng thời, theo bà Nguyễn Thị M xác định là bà không có kê khai phần đất biên này (*phần đất đang tranh chấp*) mà phần đất này do gia đình anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) quản lý sử dụng là đúng với thực tế.

[5]. Trên thực địa, phần đất tranh chấp là phần đất biên giáp sông đã được anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) san lấp mặt bằng, trồng cây lâu năm. Phần đất này một cạnh tiếp giáp với đê ngăn mặn có lộ bê tông. Bên trong lộ tiếp giáp với các phần đất mà bà Nguyễn Thị M phân chia cho các con, trong đó có vợ chồng bà Nguyễn Mỹ N. Phần đất vợ chồng bà Nguyễn Mỹ N được bà Nguyễn Thị M cho và vợ chồng bà Nguyễn Mỹ N nhận chuyển nhượng thêm của anh em trong gia đình (*phía bên trong lộ*) đã được cấp quyền sử dụng và vợ chồng bà Nguyễn Mỹ N, ông Mai Hữu

N đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn Đường. Ông Lê Văn Đ chuyển nhượng toàn bộ lại cho ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) và đã được cấp quyền sử dụng với diện tích là 42.780m², tại các thửa đất 742, 209 và được xác định mặt tiền giáp với đề ngăn mặn chứ không phải giáp sông. Thông qua nội dung hợp đồng chuyển nhượng không thể hiện việc ông Lê Văn Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) phần đất biên giáp sông (*là phần đất đang tranh chấp*) và cũng không có chứng cứ nào thể hiện vợ chồng bà Nguyễn Mỹ N, ông Mai Hữu N được bà Nguyễn Thị M cho phần đất biên đang tranh chấp này, cũng không có chứng cứ chứng minh vợ chồng bà Nguyễn Mỹ N chuyển nhượng phần đất biên (*đất đang tranh chấp*) cho ông Lê Văn Đ. Giấy cho đất lập ngày 05/10/2006 hoàn toàn không thể hiện việc bà Nguyễn Mỹ N được bà Nguyễn Thị M cho phần đất đang tranh chấp. Nên phần đất đang tranh chấp không có căn cứ để xác định ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N có được là do bà Nguyễn Thị M tặng cho cũng như không có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) có được từ việc nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Đ. Ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) cho rằng phần đất đang tranh chấp là của ông dựa trên căn cứ giấy ủy quyền của ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N giao quyền sử dụng lại cho ông phần đất này nên ông kiện đòi. Nhưng với chứng cứ chứng minh thì không có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị M cho phần đất này cho ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N, nên việc ông Mai Hữu N, bà Nguyễn Mỹ N giao quyền sử dụng phần đất tranh chấp lại cho ông Nguyễn Văn U theo nội dung giấy ủy quyền do lập ngày 18/11/2013 là không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Từ những cơ sở trên, không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng phần đất đang tranh chấp cho ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) nên yêu cầu đòi lại đất của ông Nguyễn Văn U không được chấp nhận. Án sơ thẩm đã bác yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn là có căn cứ.

[7]. Tuy nhiên, xét về phạm vi khởi kiện thì ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) không có yêu cầu đặt ra việc giải quyết cho ông phần diện tích đất để làm mương xở nước, phục vụ cho việc nuôi tôm và hiện tại nguyên đơn cũng giữ nguyên yêu cầu đòi lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp 2.228,6m², không có yêu cầu khởi kiện xem xét về lối cấp nước, tiêu nước trong cánh tác. Tuy kết quả xét xử sơ thẩm mang tính chất toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất nhưng việc cấp sơ thẩm buộc phía anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) cùng những người trong gia đình giao lại cho ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) phần đất có diện tích 493,25m² để làm đường xở thoát nước, ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) trả lại giá trị đất tương ứng bằng 38.059.170 đồng là không phù hợp với ý chí, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, việc xem xét quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề hay quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác thì đây là thuộc quan hệ pháp luật khác lẽ ra phải được thụ lý giải quyết bằng vụ án khác khi ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) có yêu cầu. Tuy nhiên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại toàn bộ diện tích 2.228,6m² bao gồm cả diện tích phần mương thoát nước và đường thoát nước này cũng đã hình thành từ lâu và hiện cũng là nhu cầu cần thiết cho việc sử dụng phần đất bên trong của phía nguyên đơn và hiện nay đang do anh Nguyễn Trường G sử dụng. Tuy nguyên đơn không có yêu cầu cụ thể nhưng việc cấp sơ thẩm chấp nhận giao phần diện tích làm mương thoát nước cho bị đơn cũng không vượt quá

phạm vi khởi kiện và việc chấp nhận giao diện tích làm nương thoát nước cho nguyên đơn, nguyên đơn trả lại giá trị đất thì phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng chấp nhận, không kháng cáo. Do vậy, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ là có căn cứ.

[8]. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9]. Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

[10]. Ông Nguyễn Văn U (*nguyên đơn*) là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 179, 203 của Luật Đất đai; các Điều 166, 168, 503 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U. Buộc hộ gia đình anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) gồm: Anh Nguyễn Văn U1, bà Nguyễn Thị M, chị Đặng Thị M, chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh T giao lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn U1 diện tích đất 493,25m² để làm đường xỏ thoát nước, phần đất tọa lạc tại ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Vị trí được xác định theo biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 06/12/2019 như sau: Từ điểm M7 đo qua M6 lấy 5m gọi là điểm O1; từ điểm M1 đo qua điểm M2 lấy 5m gọi là điểm O2; từ điểm O1 đo qua điểm O2 lấy 98,65m; từ điểm M1 đo qua điểm M7 lấy 98,65m. Phần đất được giao theo các mốc (điểm) M7, O1, O2, M1; phía Đông giáp đất còn lại anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*); phía Tây giáp đất ông Nguyễn Minh C; phía Nam giáp lộ bê tông; phía Bắc giáp sông Hiệp Hòa.

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn U phải trả lại cho hộ gia đình anh Nguyễn Văn U1 (*bị đơn*) gồm: Anh Nguyễn Văn U1, bà Nguyễn Thị M, chị Đặng Thị M, chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh T giá trị diện tích đất 493,25m² tương

ứng số tiền 38.059.170 đồng (Ba mươi tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U có quyền quản lý, sử dụng phần đất 493,25m² và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai thực hiện việc cấp quyền sử dụng diện đất 493,25m² theo quy định.

2.2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn U1 (bị đơn) phải trả lại phần đất biên diện tích 1.735,35m² (Có sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 06/12/2019 kèm theo).

2.3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U phải chịu 4.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn U đã dự nộp và đã đối chiếu thanh toán xong.

2.4. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn U (nguyên đơn) dự nộp số tiền 750.000 đồng theo biên lai số 0009632 ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ nay được hoàn lại.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

